

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-PT

Ngày 07-5-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
buộc tháo dỡ công trình trên đất, yêu
cầu khôi phục lại lối đi chung, yêu
cầu hủy một phần Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm;

Các Thẩm phán:

Ông Lê Xuân Sơn;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09/3/2020; 16/3/2020 và 07/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ công trình trên đất, yêu cầu khôi phục lại lối đi chung, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐ-PT ngày 26/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vi Mộng Á, nơi cư trú tại: Số ..., khu phố ..., thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nông Văn T; nơi cư trú tại: Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị L - Luật sư, Văn phòng Luật sư Triệu L,

đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L thực hiện việc trợ giúp pháp lý và ủy quyền; theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/20120; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân M - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo văn bản ủy quyền số: 5260/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thanh H - Công chức địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo văn bản ủy quyền số: 549a/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Nh; nơi cư trú: Số ..., khu phố ..., thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Vi Mộng D; nơi cư trú : Số ..., khu phố ..., thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Chị Vi Mộng Ph; nơi cư trú: Số ..., khu phố ..., thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Vi Thị Nh; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Anh Nông Văn D; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

8. Anh Nông Tuấn A; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vi Thị Nh, anh Nông Văn D, Nông Tuấn A: Ông Nông Văn T (văn bản ủy quyền ngày 28/8/2019); có mặt.

Người kháng cáo: Ông Nông Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng sơn được tóm tắt như sau:

Theo lời khai của nguyên đơn ông Vi Mộng Á, trình bày: Ông Vi Mộng Á yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 5,1m², thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ 9a, bản đồ địa chính thị trấn N, trên đất có tường rào dài 8,3m, xây gạch bê tông ba banh và khôi phục con đường dài 201,5m², thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ 9a bản đồ thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Nguồn gốc đất: Năm 1985 mẹ ông là bà Lường Thị L (mẹ ông Vi Mộng Á) được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn

cấp 310m² đất, tại thửa đất số 03, tờ bản đồ 9a, bản đồ địa chính thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1990 mẹ ông mua một phần diện tích đất của ông Nông Văn T, cụ thể diện tích bao nhiêu ông không biết. Sau khi được mua đất gia đình ông làm nhà ở đó và sử dụng ổn định, đến năm 2000 đi kê khai quyền sử dụng đất, ngày 10/9/2003 Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Năm 2005 mẹ ông hợp gia đình chia ruộng, vườn cho các con, ông Vi Mộng Á được bà Lương Thị L chia thửa đất số 03, tờ bản đồ 9a diện tích là 620,7m² đất. Đối với con đường, từ khi làm nhà ở đó, hai gia đình vẫn sử dụng con đường đi chung. Năm 2000 đo đạc bản đồ địa chính con đường đi chung được tách thành thửa đất số 20, tờ bản đồ 9a bản đồ thị trấn N do UBND thị trấn N quản lý. Năm 2008 do nhà bị đổ nên gia đình ông Vi Mộng Á đã chuyển đi nơi khác ở, đất vẫn sử dụng làm vườn và trồng cây hoa màu ngắn ngày. Năm 2011 gia đình ông Nông Văn T tự xây bức tường chặn lối đi và lấn sang đất của gia đình ông diện tích 5,1m² và phá con đường đi chung cải tạo làm ruộng, ao, gia đình ông không có lối đi vào vườn, phải đi nhờ qua vườn của người khác. Do vậy, ông Vi Mộng Á khởi kiện yêu cầu ông Nông Văn T phải tháo dỡ, di dời bức tường rào đi nơi khác trả lại đất cho gia đình ông quản lý, sử dụng và yêu cầu ông Nông Văn T khôi phục lại con đường đi cũ. Đối với các chi phí thẩm định, định giá tài sản và các chi phí tố tụng khác ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nông Văn T trình bày: Đất đang tranh chấp năm 1945 là bố ông quản lý, năm 1985 bố ông chết thì ông quản lý, sử dụng 04 thửa đất tại xứ đồng C, Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn diện tích bao nhiêu ông không biết, đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Năm 1985 ông làm nhà tại khu đất của ông cha để lại, khi làm nhà không có đường đi nên ông đã mở một con đường là bờ ruộng của gia đình để làm đường đi, rộng khoảng 2 m, dài khoảng 100m. Năm 1985 UBND thị trấn N lấy một phần đất của gia đình ông để cấp cho bà Lương Thị L (mẹ Vi Mộng Á), do nhà của bà Lương Thị L bị Nhà Nước thu hồi để làm đường tàu, khi bà Lương Thị L làm nhà không có đường đi đã hỏi ông cho đi chung con đường và được ông đồng ý. Ông Vi Mộng Á cho rằng bà Lương Thị L góp 30m đất để làm đường đi chung là không đúng, nếu mẹ ông Vi Mộng Á có đất góp tại sao năm 1990 còn mua đất của gia đình ông. Khi gia đình bà Lương Thị L chuyển đi nơi khác, gia đình ông cũng không đi con đường đó nữa. Năm 2011 gia đình ông xây bức tường rào làm cổng đóng vào để các cháu không ra ao, khi xây bức tường bà Lương Thị L và ông Vi Mộng Á sang làm vườn biết nhưng không có ý kiến gì. Năm 2016 bà Lương Thị L chết, ông Vi Mộng Á mới tranh chấp, ông khẳng định việc ông xây tường rào trong phần đất của gia đình ông. Bà Lương Thị L được cấp GCNQSDĐ không có ký giáp danh của chủ đất liền kề. Nay ông yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích tranh chấp và yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ bà Lương Thị L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Bà Nguyễn Thị Nh, chị Vi Mộng D, chị Vi Mộng Ph có cùng quan điểm với ông Vi Mộng Á đề nghị Tòa án quyết cho gia đình được quyền quản lý sử

dụng diện tích tranh chấp và buộc gia đình ông Nông Văn T khôi phục lại con đường đi chung.

Bà Vi Thị Nh, anh Nông Văn D, anh Nông Tuấn A có cùng quan điểm với ông Nông Văn T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Mộng Á, gia đình yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lương Thị L.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Bà Lương Thị L đăng ký, kê khai và được cấp GCNQSDĐ được UBND huyện L thực hiện theo Luật Đất đai năm 1993, Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000, Nghị định số: 03/2000 ngày 23/8/2000, Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001, Hướng dẫn 77/HD-ĐC ngày 19/3/2003 và các quy định khác của pháp luật. Như vậy, Hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ 9a, bản đồ thị trấn N, huyện L cho hộ bà Lương Thị L được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, việc ông Nông Văn T yêu cầu hủy GCNQSDĐ của hộ bà Lương Thị L là không có căn cứ.

Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, trình bày: Thửa đất 20, tờ bản đồ 9a, diện tích là 201,5m²; mục đích sử dụng đất giao thông; bản đồ đo đạc địa chính năm 2000, quy chủ UBND thị trấn N quản lý, hiện nay ông Nông Văn T cải tạo sử dụng làm ruộng, ao. Con đường này được hình thành từ trước năm 1993, được sử dụng làm lối đi chung không thuộc quản lý riêng của gia đình nào. Yêu cầu gia đình ông Nông Văn T khôi phục lại con đường trả lại hiện trạng như ban đầu.

Tại Bản án sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ 105, 136 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 8, 12, 100, 105, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 275 Bộ luật dân sự 2005; Điều 158, 166, 175, 189, 375, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 3/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Mộng Á

1.1. Ông Vi Mộng Á được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 5,1m² thửa đất 03, tờ bản đồ 9a, bản đồ thị trấn N 2000, địa danh xứ đồng C khu N Bản thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00173/QSDĐ/QĐ-UB ngày 10/9/2003 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ bà Lương Thị L. Có các điểm như sau: phía Tây Bắc giáp đất bà Lương Thị L (thửa số 03) điểm AB dài 9,6 m+ 7,5m; phía Đông Nam giáp ngõ (thửa 20) điểm DC dài 16,4m; phía Tây Nam giáp đất ông Nông Văn T (thửa 19) điểm AD dài 0,35m, trên đất đã xây bức tường gạch ba banh dài 8,3m.

1.2. Buộc ông Nông Văn T phải tháo dỡ bức tường gạch ba banh dài 8,3m chiều cao 1,3m, chiều rộng 110cm trên diện tích 5,1m², tại thửa đất 03, tờ bản đồ 9a, bản đồ thị trấn Na Dương 2000, địa danh xứ đồng C khu N Bản thị trấn N trả lại hiện trạng ban đầu cho ông Vi Mộng Á quản lý sử dụng.

1.3. Buộc ông Nông Văn T phải khôi phục lại con đường đi chung như hiện trạng ban đầu cho Ủy ban nhân dân thị trấn Na quản lý. Con đường ngõ gấp khúc (gích rắc) chiều dài 56,4m, chiều rộng trung bình là 1,8m, tổng diện tích là 201,5m², các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông Nam giáp đất ông Nông Văn T (thửa 124); phía Tây Bắc giáp đất bà Lương Thị L (thửa 03); phía Tây Nam giáp đất ông Nông Văn T (thửa 19); Phía Tây giáp đường sắt, phía Nam giáp nương. (có sơ họa kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nông Văn T về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lương Thị L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 02/12/2019 bị đơn ông Nông Văn T nộp đơn kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết cho gia đình ông Nông Văn T được quản lý, sử dụng 5,1m² đất tranh chấp; không phải khôi phục lại con đường đi; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng 5,1m² đất đã cấp cho ông Vi Mộng Á và không phải chịu chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Nông Văn T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có ý kiến cho rằng cấp sơ thẩm đã có những vi phạm trong việc xác minh tài sản chưa làm rõ các tài sản công trình của gia đình ông Nông Văn T trên đất tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngày 02/12/2019, ông Nông Văn T nộp đơn kháng cáo, như vậy kháng cáo trong thời hạn luật định, kháng cáo hợp lệ. Theo các tài liệu có hồ sơ, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông Vi Mộng Á khởi kiện yêu cầu tháo dỡ bức tường rào gạch ba banh, dài 10,5m; cao 1,2m và cánh cổng sen hoa sắt rộng khoảng 02m; cao 1,2m. Cấp sơ thẩm khi giải quyết xem xét thẩm định không làm rõ và giải quyết yêu cầu buộc tháo dỡ tài sản trên đất là vi phạm nghiêm trọng việc thu thập đánh giá chứng cứ; về thẩm quyền thửa đất số 20, tờ bản đồ 9a, thể hiện trên bản đồ địa chính là đất giao thông do Ủy ban nhân dân thị trấn N quản lý, Bản án sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nông Văn T phải khôi phục lại con đường là vi phạm về thẩm quyền

xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập tài liệu bổ sung là phụ lục khu đất tranh chấp. Tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên buộc tháo dỡ bức tường rào dài 8,3m, cao 1,2m, rộng 110cm; phụ lục sơ đồ thể hiện chiều dài bức tường buộc tháo dỡ là ABCD; đoạn từ A đến D là $0,7 + 8,9 + 7,5 = 17,2\text{m}$, đồng thời trích dẫn trên sơ đồ cạnh CD có chiều dài 7,5m, như vậy số đo thực tế của bức tường chưa được cấp phúc thẩm làm rõ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nông Văn T không đồng ý với kết quả đo đạc của Trung tâm Công nghệ thông tin Sở Tài nguyên và Môi trường.

Như vậy, việc điều chỉnh số liệu, chiều dài các cạnh của tài sản trên đất tranh chấp trong phụ lục không đồng nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và số liệu đo đạc với chú thích trên phụ lục là không phù hợp với tài liệu chứng cứ và không đảm bảo cho việc thi hành án. Với những vi phạm nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nông Văn T nộp trong thời hạn luật định, kháng cáo hợp lệ.

[2] Việc vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Xét thấy, việc vắng mặt của những người trên được Tòa án triệu tập hợp lệ; đã có lời khai; bản tự khai hoặc đã có văn bản ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham gia tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Nông Văn T, thấy: Đất đang tranh chấp diện tích $5,1\text{m}^2$, thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 9a, bản đồ thị trấn N, huyện L, đo đạc năm 2000; lối đi chung được xác định là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 9a, diện tích $201,5\text{m}^2$ là lối đi chung vào thửa đất nhà ông Vi Mộng Á; địa danh: Xứ đồng C, khu N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đất tranh chấp có nguồn gốc năm 1985 gia đình bà Lường Thị L (mẹ ông Vi Mộng Á) bị nhà nước thu hồi đất làm đường tàu và được cấp lại đất tại xứ đồng C, khu N, thị trấn N để làm nhà ở và sinh sống tại đó. Năm 1990 bà Lường Thị L mua thêm của ông Nông Văn T một phần diện tích đất, giáp với đường đi để vào nhà và làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Ngày 10/9/2003 hộ gia đình bà Lường Thị L được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ tổng diện tích $620,7\text{m}^2$, thuộc thửa số 03, tờ bản đồ 9a, bản đồ địa chính thị trấn Na Dương đo đạc năm 2000. Năm 2008 nhà của ông Vi Mộng Á bị đổ nên chuyển đi nơi khác ở. Năm 2011 ông Nông Văn T tự xây bức tường trên phần đất của ông Vi Mộng Á chắn lối đi chung vào đất của ông Vi Mộng Á, đồng thời phá lối đi chung cải tạo để làm ruộng, ao làm cho gia đình ông Vi Mộng Á không có lối đi vào vườn dẫn đến phát sinh tranh chấp.

[4] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2019; biên bản xem xét thẩm định ngày 15/10/2019, do Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường đo đạc xác định đất tranh chấp có diện tích 5,1m², thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ 9a, bản đồ địa chính thị trấn N đo đạc năm 2000, thể hiện trên sơ đồ khu đất tranh chấp là ABCD. Căn cứ kết luận giám định số 324/KLGD-PC09 ngày 05/11/2019 của Phong kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận tại mục V. Kết luận về đối tượng giám định: Chữ ký mang tên ông Nông Văn T tại dòng đánh số 01, mục "*Các chủ sử dụng đất liên kế (ký, ghi rõ họ tên)*" trên Biên bản xác định ranh giới và mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng đất) của chủ sử dụng đất Lương Thị L ghi ngày 12/10/2000, tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ ký của ông Nông Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M15 là do cùng một người ký ra. Do vậy, thấy có căn cứ khẳng định đất tranh chấp là của gia đình ông Vi Mộng Á được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lương Thị L (mẹ ông Vi Mộng Á), cấp sơ thẩm giải quyết giao cho ông Vi Mộng Á được quyền quản lý, sử dụng diện tích 5,1m² đất tranh chấp là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản trên đất tranh chấp: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều xác định trên đất tranh chấp có 01 bức tường rào gạch ba vạnh bê tông do ông Nông Văn T xây dựng năm 2011. Về số đo chiều dài bức tường theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/9/2019, bức tường có chiều dài 8,3m; cao 1,3m; rộng 110cm; theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/10/2019 trên sơ đồ khu đất tranh chấp ABCD không ghi chiều dài bức tường; thể hiện trên bản phụ lục sơ đồ ABCDEF, bức tường dài CD = 7,5m. Hội đồng xét xử, xác định về bản chất bức tường được xây dựng trên đất của gia đình ông Vi Mộng Á đã được cấp GCNQSDĐ là vi phạm pháp luật. Do vậy, về số liệu chiều dài của bức tường rào đo thủ công hay đo máy có sự chênh lệch về chiều dài đều phải tháo dỡ toàn, di dời ra khỏi phạm vi đất tranh chấp để trả lại diện tích đất 5,1m² cho gia đình ông Vi Mộng Á (trong đó có một đầu bức tường bị ông Vi Mộng Á đập phá một đoạn; phần đầu bức tường còn lại gia đình ông Nông Văn T đặt bản lề, gắn với cánh cổng sắt sen hoa mở ra đường đi chung).

[6] Theo các đương sự trình bày tại phiên tòa phúc thẩm: Phần đầu bức tường bị đập phá gia đình ông Nông Văn T đã xếp cay lên bờ tường rào cũ, đầu bức tường rào còn lại nếu phải tháo dỡ, di dời bức tường rào ra khỏi phạm vi đất tranh chấp đương nhiên phần bản lề gắn trên bức tường và cánh cửa sắt sen hoa không còn tồn tại. Do đó, ông Nông Văn T yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét thẩm định lại là không cần thiết. Bản án dân sự sơ thẩm giải quyết buộc ông Nông Văn T phải tháo dỡ, di dời toàn bộ bức tường ra khỏi diện tích đất tranh chấp để trả lại đất cho gia đình ông Vi Mộng Á quản lý, sử dụng là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn T.

[7] Đối với lỗi đi chung: Tại phiên tòa phúc ông Vi Mộng Á nộp đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện; phía bị đơn ông Nông Văn T không đồng ý. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

nguyên đơn ông Vi Mộng Á rút yêu cầu khởi kiện nhưng không được phía bị đơn ông Nông Văn T đồng ý thì không được chấp nhận. Hội đồng xét xử, xét thấy: Lối đi chung thuộc thửa số 20, tờ bản đồ 9a, diện tích là 201,5m², bị gia đình ông Nông Văn T gắn bản lề vào đầu bức tường rào, làm cổng sắt sen hoa chắn lối đi chung là đất giao thông thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L quản lý, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông Nông Văn T phải khôi phục lại lối đi chung là không đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Vi Mộng Á có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện khôi phục lại lối đi chung, việc xin rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, cần xử hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ đối với yêu cầu này của ông Vi Mộng Á.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Tổng số tiền chi là 14.600.000 đồng do nguyên đơn ông Vi Mộng Á tạm ứng trước để chi phí. Do yêu cầu khởi kiện của ông Vi Mộng Á được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; buộc ông Nông Văn T có nghĩa vụ phải trả cho ông Vi Mộng Á số tiền 14.600.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

[9] Về chi phí giám định chữ ký; Ông Nông Văn T đã nộp tạm ứng chi phí giám định 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Căn cứ kết luận giám định số 324/KLGD-PC09 ngày 05/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận tại mục V. Kết luận về đối tượng giám định: Chữ ký mang tên ông Nông Văn T tại dòng đánh số 01, mục "*Các chủ sử dụng đất liền kề (ký, ghi rõ họ tên)*" trên Biên bản xác định ranh giới và mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng đất) của chủ sử dụng đất Lương Thị L ghi ngày 12/10/2000, tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ ký của ông Nông Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M15 là do cùng một người ký ra. Do yêu cầu giám định chữ ký của ông Nông Văn T không có cơ sở để chấp nhận nên tự phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); xác nhận ông Nông Văn T đã nộp đủ số tiền.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông Nông Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí sung công quỹ Nhà nước; trong thời hạn kháng cáo ông Nông Văn T, sinh năm 1951 là người cao tuổi nộp đơn xin miễn án phí. Theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Nông Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm, nên cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nông Văn T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng; do ông Nông Văn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 308; khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn T; sửa một phần bản án sơ thẩm; hủy và đình chỉ một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ 105, 136 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 8, 12, 100, 105, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 275 Bộ luật dân sự 2005; Điều 158, 166, 175, 189, 375, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH 14 ngày 3/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

1. Quyền sử dụng đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông Vi Mộng Á được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 5,1m², thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ 9a, bản đồ địa chính thị trấn N, đo đạc năm 2000; địa danh: X C, khu N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00173/QSĐĐ/QĐ-UB ngày 10/9/2003 cho hộ bà Lương Thị L, được thể hiện trên sơ đồ khu đất tranh chấp là ABCD và phụ lục sơ đồ khu đất tranh chấp ABCDEF do Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh L đo vẽ.

2. Buộc ông Nông Văn T phải tự tháo dỡ, di dời toàn bộ bức tường rào gạch ba banh xây dựng trái phép trên diện tích đất 5,1m², thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ 9a, bản đồ thị trấn N 2000; địa danh: X C, khu N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trả lại 5,1m² đất tranh chấp cho ông Vi Mộng Á quản lý, sử dụng.

(Được thể hiện trên sơ đồ khu đất tranh chấp là ABCD và phụ lục sơ đồ khu đất tranh chấp ABCDEF do Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường đo vẽ kèm theo).

3. Hủy và đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện khôi phục lại lối đi chung do ông Vi Mộng Á rút yêu cầu khởi kiện vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

4. Không chấp nhận yêu cầu đòi hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Lương Thị L đối với diện tích đất 5,1m² đang tranh chấp; buộc ông Nông Văn T phải chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình ông Vi Mộng Á.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nông Văn T có nghĩa vụ phải trả cho ông Vi Mộng Á số tiền 14.600.000 đồng (mười bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Vi Mộng Á có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nông Văn T chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả, lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về chi phí giám định chữ ký: Ông Nông Văn T phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); xác nhận ông Nông Văn T đã nộp đủ số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

7. Về án phí dân sự: Nguyên đơn ông Vi Mộng Á không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Vi Mộng Á số tiền 300.000 đồng đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/05641 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn: Ông Nông Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh LS.
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh LS;
- Các đương sự; người BVQLDS.
- HCTP, KTNV, THA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm

